

Số: 233/QĐ-UBND

Phượng Kỳ, ngày 09 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục, phê duyệt quá trình giải quyết và bãi bỏ
thủ tục hành chính lĩnh vực Nội Vụ, thuộc thẩm quyền giải quyết
của Ủy ban nhân dân xã Phượng Kỳ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỢNG KỲ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng
8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên
quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ
về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định
của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về
thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng - Thông kê xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố và phê duyệt kèm theo Quyết định này là Danh mục thủ tục hành chính và quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Nội vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Phượng Kỳ, cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung: Chi tiết có Phụ lục I đính kèm 03 thủ tục hành chính, trong đó:

- Lĩnh vực Thi đua khen thưởng: 05 thủ tục.
- Lĩnh vực Quản lý Nhà nước về tôn giáo: 10 thủ tục.
- Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng: 04 thủ tục.

2. Phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính: Chi tiết có Phụ lục II đính kèm 19 quy trình.

3. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ: Chi tiết có Phụ lục III đính kèm 05 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Phòng chống tham nhũng

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

1. Công chức Văn phòng - Thống kê xã có trách nhiệm rà soát, niêm yết, công khai; Đồng thời, tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định.

2. Ban biên tập Trang Thông tin điện tử xã có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử xã đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Công chức Văn phòng - Thống kê xã, công chức UBND xã, bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
 - Ban thường vụ Đảng ủy xã;
 - Thường trực HĐND xã;
 - Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
 - Như Điều 3;
 - Lưu: VP.
- } (Để báo cáo).

CHỦ TỊCH

Tấn Văn Duẩn

Phụ lục 1:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
LĨNH VỰC: NỘI VỤ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2021 của UBND xã Phụng Kỳ)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÔN GIÁO				
1	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND xã	Không có	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
2	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND xã	Không có	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
3	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND xã	Không có	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
4	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Không quy định	UBND xã	Không có	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016); Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

5	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Không quy định			- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
6	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND xã	Không có	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
7	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND xã	Không có	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
8	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND xã	Không có	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
9	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Không quy định	UBND xã	Không có	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
10	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Không quy định	UBND xã	Không có	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016); Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TN-TG

II	THI ĐUA KHEN THƯỞNG				
1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND xã	Không có	- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TĐ-KT - Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 8-11-2018 của UBND tỉnh ban hành quy định thực hiện công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hải Dương..
2	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND xã	Không có	- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TĐ - KT - Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 8-11-2018 của UBND tỉnh ban hành quy định thực hiện công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND xã	Không có	- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; - Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 8-11-2018 của UBND tỉnh ban hành quy định thực hiện công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND xã	Không có	- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; - Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 8-11-2018 của UBND tỉnh ban hành quy định thực hiện công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
5	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND xã	Không có	- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; - Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 8-11-2018 của UBND tỉnh ban hành quy định thực hiện công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

III	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG				
1	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai	UBND xã	Không	- Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
2	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Không quá 115 ngày (trong đó thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày; thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày; thời hạn công khai kết luận là 05 ngày LV)	UBND xã	Không	- Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình	UBND xã	Không	- Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
4	Thủ tục thực hiện việc giải trình	15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình	UBND xã	Không	- Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

